

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 9340101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2102/QĐ-ĐHKT, ngày 21 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế - ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tên tiếng Anh: Business Administration
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tên tiếng Anh: Business Administration
- Mã số ngành đào tạo: 9340101
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo chuẩn: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh
 - + Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Business Administration
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo các tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, thực hiện được các nghiên cứu một cách độc lập và có ý tưởng nghiên cứu riêng của mình, có thể đưa ra được các luận cứ khoa học về lĩnh vực quản trị kinh doanh trên phương diện là các chuyên gia, góp phần cung cấp các cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển cũng như điều hành doanh nghiệp. Người học sau khi nhận được học vị tiến sĩ có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên đại học, tư vấn cao cấp, các nhà hoạch định chính sách trong lĩnh vực quản trị kinh doanh hoặc các vị trí cấp cao trong các doanh nghiệp

2.2. Mục tiêu cụ thể

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung chi tiết
PO1	Biết áp dụng các kiến thức tổng quan, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của ngành/lĩnh vực quản trị kinh doanh để phản biện, lập luận và tư duy khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, từ đó, nâng cao năng lực nghiên cứu độc lập, tư vấn hoặc tổ chức nghiên cứu các đề tài, dự án nghiên cứu trong nước và quốc tế.
PO2	Vận dụng hiệu quả các kiến thức dự báo, phân tích, phản biện, hoạch định, thực thi chính sách trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
PO3	Áp dụng các kỹ năng tư duy khoa học vào quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định quản trị tại doanh nghiệp và tổ chức.
PO4	Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá sự tương tác giữa các nhân tố trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, theo cả cách tiếp cận vi mô và vĩ mô.
PO5	Đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn các nghiên cứu về quản trị kinh doanh và doanh nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh.

* Trong trường hợp người dự tuyển có bằng đại học hoặc thạc sĩ phù hợp với ngành dự tuyển về chuyên môn nhưng không được quy định trong Danh mục giáo dục, đào tạo

đại học, thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì điều kiện hợp lệ về văn bằng của người dự tuyển sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định và có báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

*Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về kinh nghiệm nghiên cứu

Trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

3.2.3. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

3.2.4. Yêu cầu về thâm niên công tác

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Quản trị kinh doanh cần có ít nhất 2 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi).

3.2.5. Các yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.3. Danh mục chuyên ngành phù hợp

3.3.1. Văn bằng cử nhân

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	7340101	Quản trị kinh doanh	

3.3.2. Văn bằng thạc sĩ

Danh mục ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức:

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	8340101	Quản trị kinh doanh	

Danh mục ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức:

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	8340401	Khoa học quản lý	
2	8340402	Chính sách công	
3	8340403	Quản lý công	
4	8340404	Quản trị nhân lực	
5	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	
6	8340406	Quản trị văn phòng	
7	8340412	Quản lý khoa học và công nghệ	
8	8310101	Kinh tế học	
9	8310102	Kinh tế chính trị	
10	8310104	Kinh tế đầu tư	
11	8310105	Kinh tế phát triển	

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
12	8310106	Kinh tế quốc tế	
13	8310107	Thống kê kinh tế	
14	8310108	Toán kinh tế	
15	8340410	Quản lý kinh tế	
16	8340121	Kinh doanh thương mại	
17	8340201	Tài chính - Ngân hàng	
18	8340204	Bảo hiểm	
19	8340301	Kế toán	
20	8380107	Luật Kinh tế	
21	8310105.01	Chính sách công và phát triển	
22	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị các tổ chức tài chính	
23	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	
24	Chuyên ngành thí điểm	Công nghệ tài chính	

3.4. Danh mục học phần bổ sung kiến thức cho đối tượng ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

STT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Quản trị chiến lược nâng cao	03
2	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	03
3	Quan hệ công chúng	02
Tổng số		08

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 7-15 nghiên cứu sinh/năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc nhóm chuyên ngành quản trị kinh doanh vào thực tiễn.

- PLO2: Lập luận - phân tích các chính sách và các hoạt động quản trị kinh doanh.

- PLO3: Áp dụng các kiến thức về quản trị kinh doanh trong triển khai, tổng kết, đánh giá và phản biện các chính sách trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;

- PLO4: Triển khai, đánh giá hoạt động quản trị và có kỹ năng xử lý tốt các tình huống đặt ra trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu ngày càng phức tạp.

- PLO5: Xây dựng và thẩm định được chiến lược, kế hoạch phát triển các tổ chức kinh tế - xã hội.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- PLO6: Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo, năng lực cách tiếp cận hệ có thống đối với các vấn đề về quản trị kinh doanh.

- PLO7: Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp phát sinh trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề.

- PLO8: Có năng lực áp dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách.

- PLO9: Có năng lực hoạch định, chuyên gia cao cấp về phản biện chiến lược, chính sách và quyết định quản trị doanh nghiệp ở tầm vĩ mô và vi mô.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- PLO10: Có kỹ năng tự nghiên cứu, tư vấn, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi trong môi trường kinh doanh.

- PLO11: Có các kỹ năng làm việc nhóm; có năng lực tổng hợp, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề ở nhiều cấp độ khác nhau.

- PLO12: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình các vấn đề về chính sách, chương trình hành động của các tổ chức; giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- PLO13: Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO14: Trong hoạt động nghiên cứu khoa học phải chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp; bảo vệ bí mật quốc gia; vì lợi ích của đất nước.

- PLO15: Có ý thức trách nhiệm trong việc đề xuất các giải pháp khoa học mới để xử lý các tình huống và vấn đề quản trị phát sinh.

4. Về vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Chuyên gia phân tích, tư vấn về quản trị

Tiến sĩ quản trị kinh doanh có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tự duy độc lập để có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc phân tích đánh giá, phản biện và tư vấn, hoạch định, ...; chuyên viên tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý trong nhiều tổ chức khác nhau bao gồm cả các tổ chức quốc tế.

Nhóm 2: Nghiên cứu viên và giảng viên quản trị kinh doanh có trình độ cao

Tiến sĩ quản trị kinh doanh có khả năng tự nghiên cứu, có đủ năng lực chuyên môn để tham gia giảng dạy trong lĩnh vực ở các bậc học tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành quản trị kinh doanh; NCS sau khi tốt nghiệp tiến sĩ QTKD có thể học sau tiến sĩ để trở thành các chuyên gia phân tích, chuyên gia tư vấn cao cấp; các nhà lãnh đạo, các giảng viên cao cấp về quản trị kinh doanh.

5. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO				
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1		x			
PLO2		x		x	
PLO3			x	x	
PLO4				x	
PLO5		x			
PLO6	x				
PLO7		x			x
PLO8		x			
PLO9		x		x	x
PLO10	x				

CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO				
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO11	x				
PLO12	x				
PLO13	x				
PLO14				x	x
PLO15	x				x
PLO16	x		x		

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: 10 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - + Tự chọn: 2 tín chỉ
- Phần 2: Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: 8 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề 1: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề 2: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề 3: 2 tín chỉ
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*)
- Phần 5: Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ (trừ học phần tiếng Anh B2 và Đề án tốt nghiệp) và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 121 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: 31 tín chỉ
 - + *Khối kiến thức chung*: 4 tín chỉ
 - + *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành*: 27 tín chỉ
 - Bắt buộc: 25 tín chỉ
 - Tự chọn: 2/10 tín chỉ
- Phần 2: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: 10 tín chỉ
 - Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - Tự chọn: 2 tín chỉ
- Phần 3: Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: 8 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

+ Chuyên đề 1: 2 tín chỉ

+ Chuyên đề 2: 2 tín chỉ

+ Chuyên đề 3: 2 tín chỉ

- Phần 4: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)

- Phần 5: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*)

- Phần 6: Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN TIỀN SĨ			10				
I. Bắt buộc			8				
1	UEB 8001	Thiết kế nghiên cứu luận án (<i>Research and Thesis Design</i>)	3	30	15	0	
2	BSA8021	Quản trị tri thức (<i>Knowledge Management</i>)	3	30	15	0	
3	BSA 8018	Lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại (<i>Modern Business Theories</i>)	2	30	15	0	
II. Tự chọn			2/14				
4	BSA8121	Nền tảng phát triển doanh nghiệp (<i>Foundations of Entrepreneurship</i>)	2	20	10	0	
5	BSA8112	Lãnh đạo cá nhân (<i>Self Leadership</i>)	2	20	10	0	
6	BSA8113	Quản trị thay đổi trong tổ chức (<i>Organizational Change Management</i>)	2	20	10	0	
7	BSA 8002	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh (<i>Management of Innovation</i>)	2	20	10	0	
8	BSA 8015	Nghiên cứu đạo đức kinh doanh và	2	20	10	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		văn hóa doanh nghiệp (<i>Business Ethics and Corporate Culture Studies</i>)					
9	BSA 8016	Phân tích Marketing (<i>Marketing Analytics</i>)	2	20	10	0	
10	BSA 8017	Quản trị trải nghiệm khách hàng (<i>Customer Experience Management</i>)	2	20	10	0	
PHẦN 2. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			8				
11	BSA 8003	Chuyên đề 1 (<i>Optional topic 1</i>)	2	0	0	30	
12	BSA 8004	Chuyên đề 2 (<i>Optional topic 2</i>)	2	0	0	30	
13	BSA 8005	Chuyên đề 3 (<i>Optional topic 3</i>)	2	0	0	30	
14	BSA 8014	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các tại các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do Khoa/Viện/Trường tổ chức, quy định. - Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. - Tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh. - Báo cáo trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại hội thảo/tọa đàm/sinh hoạt chuyên đề do Khoa/Viện tổ chức. - Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
<p>- Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);</p> <p>- Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;</p> <p>- Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.</p>							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<p>- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cấp bộ môn/khoa tổ chức, quy định;</p> <p>- Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập;</p> <p>- Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Khoa/Viện/Trường tổ chức.</p>							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			72				
15	BSA9001	Luận án tiến sĩ	72	0	0	1080	
15.1	UEB8002	Báo cáo đề cương nghiên cứu	15	0	0	225	
15.2	UEB8003	Báo cáo cơ sở lý luận	5	0	0	75	
15.3	UEB8004	Báo cáo phương pháp nghiên cứu	7	0	0	105	
15.4	UEB8005	Báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận	15	0	0	225	
15.5	UEB8006	Báo cáo tổng thể luận án cấp chuyên môn	15	0	0	225	
15.6	UEB8007	Báo cáo luận án cấp cuối cùng	15	0	0	225	
Tổng cộng			90				

2.2. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG			31				
I.	Khối kiến thức chung		4				
1	PHI 5003	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	45	15	0	
II.	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		27				
II.1	Các học phần bắt buộc		25				
2	BSA 6004	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	3	25	20	0	
3	BSA 6105	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	3	25	20	0	
4	BSA 6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human Resource Management</i>)	3	25	20	0	
5	BSA6115	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế (<i>Business Ethics and Corporate Culture in International Integration</i>)	3	25	20	0	
6	BSA 6018	Lãnh đạo trong tổ chức (<i>Leadership in Organizations</i>)	2	15	15	0	
7	BSA6051	Quản trị phát triển bền vững (<i>Sustainability management</i>)	2	20	10	0	
8	BSA 6017	Quản trị sản xuất tác nghiệp nâng cao	3	25	20	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		<i>(Advanced Production and Operation Management)</i>					
9	BSA 6329	Quản trị công nghệ nâng cao <i>(Advanced Management of Technology)</i>	3	25	20	0	
10.	BSA 6021	Quản trị công ty nâng cao <i>(Advanced Corporate Governance)</i>	3	25	20	0	
II.2	Các học phần tự chọn		2/10				
11	BSA 6001	Các lý thuyết quản trị hiện đại <i>(Modern management theories)</i>	2	20	10	0	
12	BSA 6027	Tinh thần doanh nghiệp <i>(Entrepreneurship)</i>	2	20	10	0	
13	BSA 6234	Quản trị dự án nâng cao <i>(Advanced Project Management)</i>	2	20	10	0	
14	BSA 6235	Quản trị thương hiệu nâng cao <i>(Advanced Brand Management)</i>	2	20	10	0	
15	BSA 6142	Hành vi tổ chức nâng cao <i>(Advanced Organizational Behavior)</i>	2	20	10	0	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN TIỀN SĨ			10				
I. Bắt buộc			8				
16	UEB 8001	Thiết kế và nghiên cứu luận án <i>(Research and Thesis Design)</i>	3	30	15	0	
17	BSA8021	Quản trị tri thức <i>(Knowledge Management)</i>	3	30	15	0	
18	BSA 8018	Lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại <i>(Modern Business Theories)</i>	2	30	15	0	
II. Tự chọn			2/14				
19	BSA8121	Nền tảng phát triển doanh nghiệp <i>(Foundations of Entrepreneurship)</i>	2	20	10	0	
20	BSA8112	Lãnh đạo cá nhân <i>(Self Leadership)</i>	2	20	10	0	
21	BSA8113	Quản trị thay đổi trong tổ chức	2	20	10	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		<i>(Organizational Change Management)</i>					
22	BSA 8002	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh <i>(Management of Innovation)</i>	2	20	10	0	
23	BSA 8015	Nghiên cứu đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp <i>(Business Ethics and Corporate Culture Studies)</i>	2	20	10	0	
24	BSA 8016	Phân tích Marketing <i>(Marketing Analytics)</i>	2	20	10	0	
25	BSA 8017	Quản trị trải nghiệm khách hàng <i>(Customer Experience Management)</i>	2	20	10	0	
PHẦN 3. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			8				
26	BSA 8003	Chuyên đề 1 <i>(Optional topic 1)</i>	2	0	0	30	
27	BSA 8004	Chuyên đề 2 <i>(Optional topic 2)</i>	2	0	0	30	
28	BSA 8005	Chuyên đề 3 <i>(Optional topic 3)</i>	2	0	0	30	
29	BSA 8014	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 4. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các tại các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do Khoa/Viện/Trường tổ chức, quy định. - Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. - Tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh. - Báo cáo trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại hội thảo/tọa đàm/sinh hoạt chuyên đề do Khoa/Viện tổ chức. - Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm 							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiền quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
<p>khi có đồng tác giả). Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus); - Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN; - Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN. 							
PHẦN 5. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cấp bộ môn/khoa tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Khoa/Viện/Trường tổ chức. 							
PHẦN 6. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			72				
30	BSA 9001	Luận án tiến sĩ	72	0	0	1080	
30.1	UEB8002	Báo cáo đề cương nghiên cứu	15	0	0	225	
30.2	UEB8003	Báo cáo cơ sở lý luận	5	0	0	75	
30.3	UEB8004	Báo cáo phương pháp nghiên cứu	7	0	0	105	
30.4	UEB8005	Báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận	15	0	0	225	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
30.5	UEB8006	Báo cáo tổng thể luận án cấp chuyên môn	15	0	0	225	
30.6	UEB8007	Báo cáo luận án cấp cuối cùng	15	0	0	225	
Tổng cộng			121				

Lưu ý:

- Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể yêu cầu NCS học bổ sung những học phần cần thiết trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án dựa trên đề nghị của tiểu ban chuyên môn và cán bộ hướng dẫn.

- Cán bộ hướng dẫn có thể đề nghị Hiệu trưởng quyết định thay thế một số học phần trong chương trình đào tạo bằng các học phần khác, hoặc bổ sung thêm một số học phần ngoài CTĐT cần thiết cho luận án của NCS.

2.3. Ma trận đóng góp của các học phần trong chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra của chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	CHUẨN ĐẦU RA														
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
1	UEB 8001	Thiết kế và nghiên cứu luận án	3	3		3	4	4	3			3	3	3		4	3
2	BSA 8001	Quản trị tri thức	3	3	3	3		4	3	3	3	3	3	3		4	3
3	BSA 8018	Lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại	3		3	3		4	3			3	3	3		4	3
4	BSA 8011	Nền tảng phát triển doanh nghiệp	3	3	3	3		4	3	3		3	3	3		4	3
5	BSA 8012	Lãnh đạo cá nhân	3	3	3	3		4	3	3	3	3	3	3		4	3
6	BSA 8013	Quản trị thay đổi trong tổ chức	3			3		4	3			3	3	3	4	4	3
7	BSA 8002	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	3			3		4	3	3		3	3	3	4	4	3
8	BSA 8015	Nghiên cứu đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3			3		4				3	3		4		3
9	BSA 8016	Phân tích Marketing	3	3				4				3	3	3	4	4	3
10	BSA 8017	Quản trị trải nghiệm khách hàng	3	3				4				3	3	3	4	4	3
11	BSA 8003	Chuyên đề 1	3	3	3	3	4	4	3	3	3	3	3	3	4	4	3
12	BSA 8004	Chuyên đề 2	3	3	3	3	4	4	3	3	3	3	3	3	4	4	3
13	BSA 8005	Chuyên đề 3	3	3	3	3	4	4	3	3	3	3	3	3	4	4	3
14	BSA 8014	Tiểu luận tổng quan	3	3	3	3	4	4	3	3	3	3	3	3	4	4	3
15	BSA 9101	Luận án tiến sĩ	3	3	3	3	4	4	3	3	3	3	3	3	4	4	3

Ghi chú: Đối với học phần bổ sung cho NCS có bằng cử nhân, ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng.